



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
HAXACO
❄❄❄❄❄



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

TP HỒ CHÍ MINH
Tháng 04 - 2015

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| 1. Thông tin chung | 2 |
| 2. Tình hình hoạt động trong năm | 7 |
| 3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc | 13 |
| 4. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty | 17 |
| 5. Quản trị Công ty | 19 |
| 6. Báo cáo tài chính | 35 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Năm 2014



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0302000126**
- Vốn điều lệ: **111.161.690.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **111.161.690.000 đồng**
- Địa chỉ trụ sở chính: **235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM.**
- Chi nhánh1: **2008 Võ Văn Kiệt, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM**
- Chi nhánh2: **46 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **08 35 120026**
- Số fax: **08 35 120025**
- Website: **haxaco.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **HAX**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tiền thân là Cửa hàng trưng bày và Xưởng sửa chữa xe Ô tô với tên gọi là SAMCO 3, trực thuộc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 155/QĐ-UB ngày 03/12/1992 của UBND TP.Hồ Chí Minh, nay là Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/10/1999, SAMCO 3 được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (viết tắt là HAXACO) theo quyết định 6148/QĐ-UB-KT của UBND TPHCM với ngành nghề kinh doanh như sau:

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe Ô tô.
- Đại lý mua bán Ô tô và phụ tùng các loại.

Tại thời điểm cổ phần hóa, HAXACO có vốn điều lệ là 4.500.000.000 đồng.

Ngày 01/06/2000, HAXACO chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau khi cổ phần hóa, HAXACO đã có những bước phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

Tháng 6 năm 2000: HAXACO trở thành đại lý của Công ty Liên doanh Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất Ô tô Hòa Bình (VMC). Công ty cũng bổ sung thêm một số hoạt động mới, bao gồm: đóng mới thùng xe các loại; mua bán và cho thuê xe Ô tô; mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị chuyên ngành Ô tô.

Tháng 3 năm 2001: Phát triển thêm hoạt động thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ.



Tháng 9 năm 2002 HAXACO đạt chứng nhận ISO 9001:2000 do tổ chức Quacert và JAS - ANZ của NewZealand cấp trên 2 lĩnh vực: đại lý bán Ô tô và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Ô tô.

Tháng 10 năm 2003 HAXACO phát hành thêm 67.500 cổ phiếu và nâng Vốn điều lệ lên 11.250.000.000 đồng.

Ngày 11/08/2004 Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh chính thức trở thành nhà phân phối đầu tiên của Mercedes-Benz tại Việt Nam.

Tháng 8 năm 2005 HAXACO đăng ký tăng Vốn điều lệ lên 16.257.300.000 đồng.

Tháng 1/2008, Công ty tăng Vốn điều lệ lên 43.312.110.000 đồng.

Tháng 10/2008, khai trương Showroom thứ 2 tại 104 Nguyễn Văn Cừ TP.HCM.

Tháng 10/2010, khai trương HAXACO Cần Thơ.

Tháng 09/2011, khai trương Showroom và Workshop Võ Văn Kiệt.

Tháng 10/2014 nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh Hà Nội.

Hiện nay, HAXACO là nhà phân phối Mercedes-Benz có chất lượng dịch vụ sửa chữa hàng đầu Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– Ngành nghề kinh doanh:

Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô.

Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô.

Dịch vụ cứu hộ ô tô.

Đại lý bảo hiểm.

Đóng mới thùng xe các loại. Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc cán, kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện).

Cho thuê ô tô.

Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới.

Kinh doanh bất động sản.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

– Địa bàn kinh doanh: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ.

4. Tình hình niêm yết:

Ngày 13/12/2006, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước có Quyết định số 113/ UBCK-GPNY về việc cho phép Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Ngày 26/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 17/01/2008 niêm yết bổ sung 2.705.481 cổ phiếu HAX phát hành thêm đưa tổng số cổ phiếu HAX giao dịch trên thị trường chứng khoán TP.HCM lên 4.331.211 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm được chính thức giao dịch ngày 25/01/2008.

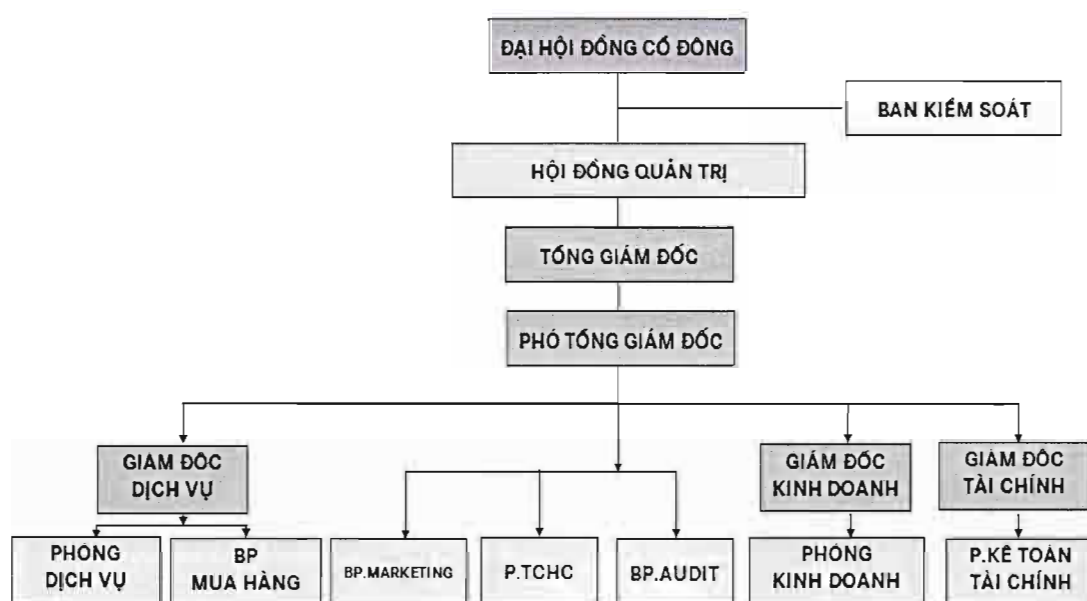


Ngày 20/10/2009, tổng số cổ phiếu HAX giao dịch trên thị trường tăng lên 8.055.846 cổ phiếu.

Tháng 09/2011 phát hành thêm CP, tăng Vốn Điều lệ lên thành 111.161.690.000 đồng.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

– Mô hình quản trị.



– Cơ cấu bộ máy quản lý.

- ✎ Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, v.v....
- ✎ Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn

chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

Hiện tại, Hội đồng Quản trị của Công ty là năm (05) người, nhiệm kỳ là năm (05) năm.

- ✚ Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm ba (03) thành viên.

- ✚ Ban Tổng Giám Đốc: Ban Tổng Giám đốc gồm một Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc và các Giám đốc Bộ phận. Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động của Công ty; Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các kế hoạch khác của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.... Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm ba (03) thành viên.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- ✚ **Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ.**

Địa chỉ: 102 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô. Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô.

Vốn Điều lệ: 22.193.950.000 đ

Tỷ lệ sở hữu của HAXACO tại Công ty con: 72,62%.

6. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - o Giữ vững vị trí trong top 3 nhà phân phối đứng đầu của MBV về thị phần.
 - o Nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ và sửa chữa xe.
 - o Mở rộng hoạt động kinh doanh để đa dạng hoá và hạn chế rủi ro.
 - o Thu hút nhân tài và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CB CNV Công ty.
 - o Củng cố và phát triển thương hiệu HAXACO.

001
CÔNG TY
HÀNG
CỔ Đ
KAM
CPV

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
 - o Nâng cấp Xưởng sửa chữa MB tại số 10 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh;
 - o Kinh doanh các loại xe Mercedes-Benz cao cấp nhập khẩu và các dòng xe cũ nhập khẩu;
 - o Nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo chính sách chi trả cổ tức hợp lý đảm bảo lợi ích của cổ đông, đồng thời có lợi nhuận tích lũy để bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 - o Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách, yêu cầu về môi trường;
 - o Công ty duy trì và thực hiện phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,... gắn với việc thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động.

7. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế

- o Ngành công nghiệp Ô tô của Việt Nam còn chậm phát triển, thị trường ô tô nhỏ bé, giá ô tô ở Việt Nam còn khá cao so với khu vực.
- o Cơ sở hạ tầng ở Việt Nam còn yếu, đường giao thông nhỏ hẹp, chưa có quy hoạch đồng bộ, các dịch vụ phục vụ cho xe ô tô như chỗ gửi xe, để xe chưa có nhiều và không thuận tiện cho người sử dụng xe ô tô.
- o Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm cho tình hình kinh tế xã hội vẫn còn phải tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn thách thức.

Rủi ro về Dịch vụ:

- o Chi nhánh Võ Văn Kiệt đi vào hoạt động góp phần làm gia tăng thị phần nhưng tạo nhiều áp lực ban đầu về doanh thu cũng như lợi nhuận.
- o Sự cạnh tranh của các đối thủ vẫn tiếp diễn gay gắt.

Rủi ro về Kinh doanh:

- o Chính sách Nhà nước thay đổi nhiều tạo ra thiếu sự ổn định. Việc tăng các biểu phí mới tính vào ô tô như phí lưu thông đường bộ, phí xăng dầu, môi trường... góp phần ảnh hưởng đến thị trường ô tô cũng như sức mua người tiêu dùng.

Rủi ro về Quản trị:

- o Hạn chế chi phí hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu.
- o Nguồn vốn hoạt động thấp, chi phí lãi vay Ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng quá cao, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

ĐVT: triệu đồng

| STT | Sản lượng | THỰC HIỆN 2013 | THỰC HIỆN 2014 | TỶ LỆ 2014/2013 (%) |
|-----|-------------|-------------------|-------------------|---------------------------|
| 1 | Xe bán | 323 | 518 | 160,37 |
| 2 | Xe sửa chữa | 8.194 | 8.569 | 104,58 |

ĐVT: triệu đồng

| STT | Doanh thu | THỰC HIỆN 2013 | THỰC HIỆN 2014 | TỶ LỆ 2014/2013 (%) |
|-----|-------------|-------------------|-------------------|---------------------------|
| 1 | Kinh doanh | 561.881 | 1.101.597 | 196,06 |
| 2 | Dịch vụ | 92.499 | 103.726 | 112,14 |
| | Cộng | 654.380 | 1.205.323 | 184,19 |

| STT | Lợi nhuận | THỰC HIỆN 2013 | THỰC HIỆN 2014 | TỶ LỆ 2014/2013 (%) |
|-----|----------------------|-------------------|-------------------|---------------------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 3.032 | 18.372 | 605,94 |
| 2 | Tổng tài sản | 228.697 | 242.150 | 105,88 |
| 3 | Vốn Điều lệ | 111.161 | 111.161 | 100 |

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành (tại thời điểm ngày 31/12/2014):

➤ **Tổng Giám Đốc: ĐỖ TIẾN DŨNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1972

Nơi sinh: Hà Nội
Số hộ chiếu: B4140050 Ngày cấp: 13/05/2010
Nơi cấp: Cục QLXNC
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 208A Lê Thanh Nghị , Phường Đồng Tâm,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT liên lạc ở cơ quan: 0835120026
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán ĐH Thương mại
Hà Nội, Cử nhân Luật Kinh tế ĐH Luật Hà Nội

Quá trình công tác:

- Từ 1994 - 1997: Nhân viên KD tại Công ty Liên doanh SX Ô tô Hòa Bình VMC
- Từ 1997 - 2001: Trưởng phòng Kinh doanh Cty Toyota Hoàn Kiếm
- Từ 2001 - 2005: Trưởng phòng KD Cty Liên Doanh Toyota Giải Phóng.
- Từ 2005 - 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu Tư và DV Ô tô Việt Nam.
- Từ 2010 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty SX TM và DV Ô tô PTM
- Từ 2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hot Wheels Việt Nam.
- Từ 2013 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh HAXACO.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 1.978.954 CP (17,80%)

➤ **Giám Đốc Dịch vụ: TRẦN QUỐC HẢI**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/03/1973
Nơi sinh: Lâm Đồng
Số CMND: 250535544 cấp ngày 26/07/1999
tại CA tỉnh Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 15 đường 302A, Khu Bông Sao, Phường 5, Q.8
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 08 - 35120026/ 38983417
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
 Quá trình công tác:

- Từ 05/1999: Kỹ thuật viên tại Công ty CCL Sài Gòn
- Từ 02/2000: Nhân viên Kinh doanh Công ty FIMEXCO
- Từ 09/2000: Cố vấn Dịch vụ Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAXACO)
- Từ 06/2005: Phó Phòng Dịch vụ Công ty HAXACO
- Từ 12/2006: Trưởng Phòng Dịch vụ Công ty HAXACO
- Từ 08/2011: Giám đốc Dịch vụ Công ty HAXACO
- Từ 10/2013: Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Võ Văn Kiệt kiêm Giám Đốc Dịch vụ HAXACO.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Võ Văn Kiệt kiêm Giám Đốc Dịch vụ Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh.

Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 15.212 CP (0,14%).

➤ **Giám Đốc Tài chính: CHU THỊ NGỌC HUYỀN**

Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 09/06/1972 Nơi sinh: Hà Nội
 Số CMND: 022593906 cấp ngày 23/12/2008
 tại CA TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Hưng Yên
 Địa chỉ thường trú: 5B5-4 Lô R1-2 Khu phố Sky Garden,
 đường Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, quận 7
 ĐT liên lạc ở cơ quan: 08 35120026
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Kế Toán
 Quá trình công tác:

- 03/1995 - 05/1997: Nhân viên Công ty LD XNK Ngành In Paprinex
- 06/1997 - 09/2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH Quảng Cáo An Tiêm
- 10/2005 - 10/2007: Nhân viên kế toán XN Công nghiệp & DV Ô tô - Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
- 11/2007 - 11/2009: Nhân viên kế toán Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn (SAMCO)



- 12/2009 – 01/2013: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán XN Công nghiệp & DV Ô tô – Tổng công ty SAMCO
- 01/2013 - nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng HAXACO.

Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 0%

– Những thay đổi trong ban điều hành: trong năm 2014, Ban Điều hành Công ty có những thay đổi như sau:

- ✚ Ngày 17/10/2014, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 06/2014/QĐ-HĐQT bổ nhiệm Ông Vũ Quang Huy làm Trưởng Chi nhánh HAXACO Hà Nội.
- ✚ Ngày 18/11/2014, Tổng Giám Đốc ban hành Quyết định số 173/2014/QĐ-TCHC về việc bổ nhiệm Bà Trần Thị Bảo Hiền làm Phó Giám Đốc Chi nhánh HAXACO Hà Nội phụ trách Kế toán Tài chính.

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 186 người tính đến 31/12/2014.

– Chính sách đối với người lao động.

- ✚ Thu nhập bình quân 8,9 triệu đồng/người/tháng
- ✚ Chính sách trả lương, thưởng: lương theo số lượng xe bán, lương khoán sửa chữa, lương định suất đối với gián tiếp, thưởng nhân dịp các ngày lễ lớn.
- ✚ Chính sách đào tạo: Công ty chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng các kỹ năng nhằm đáp ứng tiêu chuẩn năng lực theo từng chức danh phục vụ kế hoạch phát triển; Liên kết với Mercedes-Benz Vietnam, SAMCO để kịp thời đào tạo về sản phẩm mới, qui trình mới và công nghệ mới. Trong năm 2014, Haxaco đã đào tạo được 360 lượt CBCNV với tổng kinh phí là 278.126.000đ;
- ✚ Chế độ bảo hiểm và phụ cấp: Tất cả nhân viên chính thức của đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy theo công việc, nhân viên còn nhận được các phụ cấp như phụ cấp độc hại, phụ cấp đi lại, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp đoàn thể, v.v.
- ✚ Phúc lợi khác: hỗ trợ bữa ăn trưa, cấp phát trang phục làm việc, v.v.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Tháng 10/2014, Hội đồng Quản trị phê chuẩn thành lập Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Thời gian thực hiện Dự án: bắt đầu vào tháng 10/2014, dự kiến đi vào hoạt động tháng 02/2015.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- ✚ Công ty CP Cơ khí ô tô Cần Thơ (HAXACO Cần Thơ)

| STT | CÁC CHỈ TIÊU | 2014 | KH 2014 | 2013 |
|-----|------------------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1 | Số lượng xe Kinh doanh | 15 | 30 | 6 |
| 2 | Số lượt xe sửa chữa | 1.506 | 1.125 | 859 |
| 3 | Doanh thu thuần | 10.814.253.475 | 78.028.000.000 | 6.514.968.203 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | (929.420.774) | 231.216.000 | (3.782.671.804) |
| 5 | Tổng tài sản | 13.207.597.434 | | 17.054.631.858 |
| 6 | Vốn Điều lệ | 22.193.950.000 | 22.193.950.000 | 22.193.950.000 |

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|---------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 228.697 | 242.150 | 5,88 |
| Doanh thu thuần | 644.386 | 1.185.282 | 83,94 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (6.962) | (1.669) | 76,02 |
| Lợi nhuận khác | 9.994 | 20.041 | 100,53 |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.032 | 18.372 | 505,94 |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.921 | 17.461 | 497,77 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 30,64% | 37,82% | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | - 56,73% | - 40,59% | |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 61,77% | 56,68% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 127,07% | 123,47% | |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | 5,37% | 9,97% | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,82% | 4,89% | |

| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
|---|-------|--------|--|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,45% | 1,47% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 3,47% | 16,65% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 1,28% | 7,21% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,47% | 1,55% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a. Cổ phần: Tổng số cổ đông tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 24/03/2015: 1.310 cổ đông, trong đó:

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | Cổ đông nước ngoài | | Tổng | |
|--|--------------------|--------------|--------------------|-------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên | 7.553.673 | 67,95 | 0 | 0 | 7.553.673 | 67,95 |
| * Tổ chức | 4.819.262 | 43,35 | 0 | 0 | 4.819.262 | 43,35 |
| * Cá nhân | 2.734.411 | 24,60 | 0 | 0 | 2.734.411 | 24,60 |
| Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5% | 1.746.315 | 15,71 | 0 | 0 | 1.746.315 | 15,71 |
| * Tổ chức | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| * Cá nhân | 1.746.315 | 15,71 | 0 | 0 | 1.746.315 | 15,71 |
| Cổ đông sở hữu dưới 1% | 1.491.925 | 13,42 | 324.256 | 2,92 | 1.816.181 | 16,34 |
| * Tổ chức | 56.335 | 0,51 | 100.666 | 0,91 | 157.001 | 1,41 |
| * Cá nhân | 1.435.590 | 12,91 | 223.590 | 2,01 | 1.659.180 | 14,93 |
| TỔNG CỘNG | 10.791.913 | 97,08 | 324.256 | 2,92 | 11.116.169 | 100 |
| Cổ đông Nhà nước | 3.627.724 | 32,63 | | | 3.627.724 | 32,63 |

b. Cơ cấu cổ đông:

- Tổ chức trong nước: 42 cổ đông, sở hữu 4.820.102 cổ phần, tỷ lệ 43,36% Vốn điều lệ.
- Tổ chức nước ngoài: 06 cổ đông, sở hữu 100.666 cổ phần, tỷ lệ 0,91% Vốn điều lệ.
- Cá nhân nước ngoài: 92 cổ đông, sở hữu 223.590 cổ phần, tỷ lệ 2,01% Vốn điều lệ.
- Cá nhân trong nước: 1.170 cổ đông, sở hữu 5.971.811 CP, tỷ lệ 53,72% Vốn điều lệ.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác: không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2014, bước tiếp những thay đổi lớn trên mọi mặt hoạt động của năm 2013, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc đã từng bước chứng tỏ năng lực điều hành, quản lý dẫn đến hiệu quả đạt được vượt bậc so với năm 2013.

1.1 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về tổ chức nhân sự: quyết liệt trong việc đổi mới cơ cấu tổ chức, tinh giản bộ máy. Thay đổi phong cách làm việc của Nhân viên phù hợp với giai đoạn phát triển mới, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và tái đào tạo về mọi mặt: tay nghề, văn hóa, nâng cao và bồi dưỡng nghiệp vụ.
- Trong năm 2014, với việc cơ cấu lại đội ngũ nhân sự, số lượng nghỉ việc theo đơn xin là 54 người, trong đó có 03 Quản lý, 24 NVBH, 10 công nhân, 17 Nhân viên VP. Tuyển dụng 62 lao động, trong đó có 03 Trưởng phòng, 32 NVBH, 04 công nhân, 23 Nhân viên gián tiếp.....
- Công ty đã áp dụng chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc cho hai Bộ phận Kinh doanh và Dịch vụ. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân mang lại hiệu quả cao. Đời sống của người lao động đã từng bước được cải thiện, năm 2013 lương bình quân của người lao động là 7,01 triệu đồng, năm 2014 đã tăng lên ở mức 8,9 triệu đồng.

Đvt : triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | THỰC HIỆN 2013 | THỰC HIỆN 2014 | So sánh 2014/2013 (%) |
|-----|-------------------------------------|----------------|----------------|-----------------------|
| 1 | Tổng quỹ lương | 14.140 | 19.537 | 138,17 |
| 2 | Tiền lương bình quân/lao động/tháng | 7,01 | 8,9 | 126,96 |

- Các hoạt động của đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên) ngày càng sôi động, đổi mới theo hướng gắn bó thực tế hơn với đời sống người lao động.

1.2 Hoạt động Kinh doanh Dịch vụ:

- Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc đã nỗ lực giảm tồn kho, đẩy nhanh vòng quay vốn, thanh lý nhanh xe Demo để bổ sung vốn hoạt động, vv....
- Trong năm 2014, Công ty đạt Lợi nhuận trước thuế là 18,372 tỷ đồng. Tổng số lượng xe bán ra trong năm 2014 là 518 xe, đạt 123,04% Kế hoạch năm.

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM:

- Giải nhì “Giải thưởng Dịch vụ xuất sắc 2014” (SEAWARD).
- Giải thưởng Tư vấn Dịch vụ xuất sắc và chuyên viên phụ tùng xuất sắc 2014.

2. Tình hình tài chính

- Thực hiện tiết giảm đáng kể các chi phí trong mọi hoạt động của Công ty. Ban hành, sửa đổi một số quy chế, quy định, nhằm phù hợp với tình hình hoạt động mới và đã được các Giám Đốc, các Trưởng bộ phận tuân thủ tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ từng bước được hoàn thiện.
- Thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Việc quản lý công nợ dần dần đi vào nề nếp, việc kiểm soát chi phí của BP Kinh doanh tương đối chặt chẽ. Tổng Giám Đốc và các Giám đốc Bộ phận đã kiểm soát việc đặt hàng xe, phụ tùng, đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho và vòng quay nợ phải thu, góp phần giảm chi phí lãi vay.

Đvt : triệu đồng

| STT | Chỉ số tài chính | 2013 | 2014 | SS 2014/2013 |
|-----|--|-------|--------|--------------|
| 1 | Vòng quay hàng tồn kho | 5,37 | 9,97 | 185,66% |
| 2 | Vòng quay các khoản phải thu | 13,01 | 21,41 | 164,57% |
| 3 | Vòng quay các khoản phải trả | 4,49 | 8,16 | 181,74% |
| 4 | Vòng quay tổng tài sản | 2,83 | 5,03 | 177,74% |
| 5 | Vòng quay vốn chủ sở hữu | 5,80 | 10,66 | 183,79% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | 0,45% | 1,47% | 326,67% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế/BQ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 3,38% | 18,16% | 537,28% |

a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản đến ngày 31/12/2014 là 242.149.612.904 đ tăng 5,88% so với cùng kỳ 2013, tài sản cố định tăng 28,99% so với cùng kỳ 2013.
- Vòng quay tổng tài sản tăng 177,74 % - vòng quay vốn chủ sở hữu tăng 183,79%: hiệu quả của việc sử dụng tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh càng hiệu quả.
- ROS tăng 326,67% ROE tăng 537,28%: Công ty kinh doanh có hiệu quả hơn.
- Vòng quay hàng tồn kho tăng 185,66%: chỉ số vòng quay hàng tồn kho càng cao cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều trong đơn vị..

- Tổng Nợ phải thu là 67.938.654.048 đ chiếm 28,06% tổng tài sản và tăng 58,81% so với cùng kỳ năm 2013.
- Trong đó, nợ phải thu khó đòi (nợ xấu): 734.220.706 đ chiếm 1,08% tổng nợ phải thu. Công ty đã trích lập 86,47% dự phòng nợ phải thu tương đương 634.920.333đ.
- Vòng quay các khoản phải thu tăng 164,56%: cho thấy tính hiệu quả của chính sách tín dụng mà đơn vị áp dụng đối với khách hàng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả đến ngày 31/12/2014 là 137.248.319.926đ giảm 2,84% so với cùng kỳ 2013, trong đó khoản phải trả người bán là 49.036.423.052đ, tăng 61,21% so với cùng kỳ 2013.
- Vay và nợ ngắn hạn giảm 1.008.488.520 đ giảm 2,89% so với cùng kỳ 2013, nhưng chi phí lãi vay giảm 3.345.590.491đ, giảm 43,52% so với cùng kỳ 2013. Việc giảm chi phí lãi vay cũng làm cho kết quả kinh doanh năm 2014 khả quan hơn so với cùng kỳ năm 2013.
- Vòng quay các khoản phải trả tăng 181,74%, các khoản vay và nợ ngắn hạn giảm 2,84% dẫn đến chi phí lãi vay giảm 43,52%.
- Đơn vị chiếm dụng vốn và thanh toán nhanh hơn năm trước. Việc chiếm dụng khoản vốn này giúp doanh nghiệp giảm được chi phí về vốn đồng thời thể hiện uy tín về quan hệ thanh toán đối với nhà cung cấp và chất lượng sản phẩm đối với khách hàng.

3. Đầu tư XDCB:

- Trong năm 2014, HAXACO đã thực hiện đầu tư sửa chữa nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới cụ thể như sau:

DVT: triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | KẾ HOẠCH 2014 | THỰC HIỆN 2014 | TỶ LỆ TH/KH |
|-----|--------------------|------------------|-------------------|----------------|
| A | Xây dựng cơ bản | 1.800 | 2.073 | 115,17 |
| B | Thiết bị công nghệ | 2.570 | 2.249 | 87,51 |
| | TỔNG CỘNG | 4.370 | 4.322 | 98,90 |

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a. Nhân sự:

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy nhân sự Công ty.
- Huấn luyện nhân viên, hoàn thiện đội ngũ nhân viên bán hàng. Chú trọng hơn nữa công tác chăm sóc khách hàng, thực hiện tốt nhất khâu tiếp nhận khách hàng vào Showroom và Workshop.
- Đặc biệt quan tâm đến hoạt động marketing, phát triển và quảng bá thương hiệu HAXACO.

b. Quản lý:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý. Xây dựng bộ quy chế, quy chuẩn cho hoạt động của Công ty.

c. Vốn, tồn kho:

- Kiểm soát chặt chẽ công nợ của khách hàng, tránh để xảy ra việc nợ tiền, chiếm dụng vốn của Công ty.
- Thúc đẩy, tăng cường hoạt động của Showroom&Workshop VVK, Chi nhánh Hà Nội. Luân chuyển bán các xe Demo thu hồi và quay vòng vốn lưu động cho Công ty. Giảm tồn kho trong năm 2015, quản lý tồn kho xe và phụ tùng để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả nhất.

KẾ HOẠCH DOANH THU LỢI NHUẬN

ĐVT: triệu đồng

| CHỈ TIÊU | CỘNG |
|------------------------------|-----------|
| 1. Doanh thu thuần | 1.590.000 |
| 2. Tổng lợi nhuận trước thuế | 18.500 |
| 3. Tổng lợi nhuận sau thuế | 14.430 |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

ĐVT: triệu đồng

| CHỈ TIÊU | DỰ TOÁN |
|---|---------|
| A. Xây dựng cơ bản: | 8.550 |
| Nâng cấp Autohaus theo tiêu chuẩn mới | 7.000 |
| Xây dựng phòng lắp ráp động cơ và hộp số | 500 |
| Sửa chữa nền nhà xưởng và mái che | 500 |
| Bảo dưỡng showroom, kho xe mới, phòng chờ | 550 |
| B. Thiết bị công nghệ: | 8.250 |
| Trang bị mạng DMS theo yêu cầu của MBV | 7.000 |
| Tổng đài điện thoại + camera | 100 |
| Tủ trưng bày collection | 150 |
| Trang thiết bị dụng cụ chuyên dùng | 800 |
| TTB Văn phòng | 200 |
| CỘNG | 16.800 |

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (không có).*

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014, tiếp bước những thay đổi lớn trong năm 2013, HAXACO gạt hái nhiều thành công trên mọi phương diện. Lợi nhuận tăng cao, thu nhập của người lao động được cải thiện và ổn định.

Với bản lĩnh và chính sách đúng đắn của Ban Lãnh đạo, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tất cả Cán bộ Nhân viên Công nhân Công ty, đặc biệt là sự ủng hộ của Quý cổ đông và sự tin tưởng gắn bó của Quý Khách hàng, HAXACO tự tin biến khó khăn thách thức thành cơ hội nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Sau đây là một số chỉ tiêu tài chính đã thực hiện trong năm qua:

| CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN 2014 |
|-------------------------|----------------|
| 1. Số xe dịch vụ | 8.569 |
| 2. Số xe bán | 518 |
| 3. Doanh thu thuần | 1.205.323 |
| 4. Lợi nhuận trước thuế | 18.372 |

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------|---------|-----------|
| Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn | | | |
| <i>Cơ cấu tài sản</i> | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản | % | 78,12 | 80,69 |
| Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản | % | 21,88 | 19,31 |
| | | | |
| <i>Cơ cấu nguồn vốn</i> | | | |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 56,68 | 61,77 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 43,32 | 38,23 |
| | | | |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 0,08 | 0,06 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 1,38 | 1,31 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,09 | 0,43 |
| | | | |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| <i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i> | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần | % | 1,55 | 0,47 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần | % | 1,47 | 0,45 |
| | | | |
| <i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i> | | | |

126
FY
Q1
Q2
Q3
Q4
H1
H2

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|---------|-----------|
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản | % | 7,59 | 1,33 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản | % | 7,21 | 1,28 |
| | | | |
| <i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i> | % | 16,65 | 3,47 |

1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Trong năm 2014, HAXACO đã đạt được hiệu quả rất đáng khích lệ. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 18,372 tỷ đồng so với năm trước lãi 3,03 tỷ.

Nguyên nhân chủ yếu của hiệu quả nói trên là Công ty đã thực hiện tiết giảm đáng kể các chi phí hoạt động, ban hành, sửa đổi một số quy chế quản trị, quy chế bán hàng,...phù hợp với tình hình hoạt động thực tiễn. Việc quản lý công nợ đã từng bước được cải thiện, tốc độ quay vòng vốn tăng nhanh. Việc kiểm soát chi phí của BP Kinh doanh chặt chẽ hơn. Chi nhánh Võ Văn Kiệt dần dần ổn định, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp hơn. Tôn kho đã giảm đáng kể tăng cao, lưu chuyển tiền tệ được cải thiện.

1.2. Tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong năm 2014, Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị:

- ❖ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của Showroom&Workshop Võ Văn Kiệt.
- ❖ Thực hiện tốt các tiêu chuẩn quy định của Mercedes-Benz Việt Nam đối với Dealer.
- ❖ Hoàn tất Báo cáo Kiểm toán năm 2013.
- ❖ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV.
- ❖ Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của CAMECO, thúc đẩy và hỗ trợ mọi mặt hoạt động nhằm đạt kết quả tốt hơn.
- ❖ Tiếp tục là cổ đông chi phối với tỷ lệ CP nắm giữ là 72,62% tại Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ (HAXACO CẦN THƠ).

1.3. Tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng ngày.

Năm 2014, tất cả hoạt động của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo Giấy đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam. Các hoạt động hàng ngày đều thể hiện rõ trách nhiệm với quyền lợi người lao động, trách nhiệm với xã hội, trách nhiệm với khách hàng, các đối tác kinh doanh và cổ đông.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Hội đồng Quản trị luôn theo sát hoạt động của Ban Giám Đốc, kịp thời chỉ đạo và giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc.

Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện đúng theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong việc nỗ lực từng bước khắc phục những tồn đọng, vướng mắc cũ để lại: giải quyết được nhiều xe tồn kho quá lâu, thanh lý nhanh xe Demo để bổ sung vốn hoạt động, vv.....

Việc quản lý công nợ đã dần dần đi vào nề nếp, kiểm soát được chi phí hoạt động, kiểm soát việc đặt hàng xe, phụ tùng, đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho và vòng quay nợ phải thu, góp phần giảm chi phí lãi vay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014, năm thành công của thị trường ô tô đã trôi qua. Triển vọng năm tới là tương đối sáng sủa, nhưng dự báo vẫn chỉ là mức tăng ổn định như hiện nay hoặc khá hơn một chút, ước chừng 10% tùy theo chiến lược định hướng sản phẩm và kinh doanh của từng hãng.

Theo dự đoán, thị trường ô tô 2015 có thể vẫn sẽ còn gặp nhiều khó khăn và tăng trưởng thấp, không có sự đột biến.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị xác định phương hướng hoạt động của HAXACO trong năm 2015 như sau:

- Tiếp tục theo sát và chỉ đạo hoạt động của Công ty giữ vững sự ổn định. Chủ động đưa ra các kế hoạch thích ứng để đối phó với sự suy giảm của thị trường (nếu có) nhất là những chính sách liên quan đến giá.

- Thúc đẩy và tăng cường hoạt động của các Chi nhánh, đặc biệt là Chi nhánh Hà Nội cần có một cơ chế đặc biệt để hỗ trợ trong thời gian đầu hoạt động.

- Tăng cường công tác kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động toàn Công ty. Tăng cường công tác quản trị rủi ro.

- Tiếp tục triển khai kinh doanh xe cũ. Đồng thời phải xây dựng chiến lược lâu dài, xây dựng thương hiệu uy tín, sự tin tưởng trong lòng khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện việc công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (tại thời điểm 31/12/2014):

➤ CHỦ TỊCH HĐQT: LÊ QUANG ĐỊNH

| | |
|------------------------|--|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 05/10/1959 |
| Nơi sinh: | Hà Nội |
| Số CMND: | 021029195 Ngày cấp: 23/03/2009 |
| | Nơi cấp: TP.HCM |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú: | 45 Tứ Hải, P.6, Q. Tân Bình, TP. HCM |
| ĐT liên lạc ở cơ quan: | 08 - 39200 408 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế Công nghiệp |
| Quá trình công tác: | |
| • 12/1981 - 06/1993: | Nhân viên Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn |
| • 06/1993 - 06/1996: | Phó phòng Kinh tế Kỹ thuật Cty Cơ khí Ô tô Sài Gòn |

- 06/1996 - 01/1997: Trưởng phòng Kinh doanh Đầu tư Cty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- 01/1997 - 04/1998: Trưởng phòng Kế toán Tài chính Cty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- 04/1998 - 12/2009: Kế toán trưởng Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn
- 01/2010 - 08/2010: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn
- 08/2010 - 06/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn
- 06/2011 - 01/2012: Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH Một Thành viên, Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh.
- 01/2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Cty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH Một Thành viên, Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh.

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 1.982.193 CP (17,83% VDL)

Trong đó:

Cá nhân sở hữu: 22.133 CP (0,20% VDL)

Đại diện sở hữu: Vốn SAMCO: 1.960.060 CP (17,63% VDL)

➤ **Thành viên HĐQT: ĐỖ TIẾN DŨNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1972

Nơi sinh: Hà Nội

Số hộ chiếu: B4140050 Ngày cấp: 13/05/2010
Nơi cấp: Cục QLXNC

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 208A Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan: 0835120026

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán ĐH Thương mại Hà Nội, Cử nhân Luật Kinh tế ĐH Luật Hà Nội



- Quá trình công tác:
- Từ 1994 - 1997: Nhân viên KD tại Công ty Liên doanh SX Ô tô Hòa Bình VMC
 - Từ 1997 - 2001: Trưởng phòng Kinh doanh Cty Toyota Hoàn Kiếm
 - Từ 2001 - 2005: Trưởng phòng KD Cty Liên Doanh Toyota Giải Phóng.
 - Từ 2005 - 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu Tư và DV Ô tô Việt Nam.
 - Từ 2010 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty SX TM và DV Ô tô PTM
 - Từ 2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hot Wheels Việt Nam.
 - Từ 2013 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh HAXACO.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 1.978.954 cổ phiếu (17,80%)

➤ **Thành viên HĐQT: VŨ QUANG HUY**

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/11/1975

Nơi sinh: Thái Bình

Quốc tịch: Việt nam

CMND số: 011715310, ngày cấp: 11/05/2011,
Nơi cấp: Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: P316 Tầng 3 Nhà 4B TT Bồ sông,
Chương Dương Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: P316 Tầng 3 Nhà 4B TT Bồ sông,
Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0966459999

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Học viện Tài chính Kế toán
HN chuyên ngành Kế toán tài chính.

Quá trình công tác:

- Từ năm 1996 đến 2000: Cán bộ Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
- Từ năm 2000 đến 2005: Phó phòng Kinh doanh Toyota Hoàn Kiếm.
- Từ năm 2005 đến 2009: Tổng Trưởng phòng Kinh doanh Toyota Mỹ Đình.
- Từ năm 2009- 2011: Giám Đốc Kinh doanh Toyota Hà Đông,
- Từ năm 2011- nay: Tổng Giám Đốc Công ty CPSX TM&DV Ô tô PTM.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT HAXACO

Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 14.770 CP (1,33%)

➤ **Thành viên HĐQT: TĂNG THỊ THU LÝ**

Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 09/10/1968
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMND: 022770248 Ngày cấp: 12/12/2012
Nơi cấp: TP HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 91A Võ Văn Tần P.6 – Q3 – TP.HCM
ĐT liên lạc : 39200408
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân ngoại ngữ.

Quá trình công tác:

- 1997 - 2000: Công tác tại Công ty liên doanh Inchcape Hong Kong – ISAMCO
- 2000 - nay: Công tác tại Tổng công ty SAMCO.
- 2013 - nay: Thành viên HĐQT HAXACO

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT HAXACO

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 1.111.776 CP (10% VDL)

Trong đó:

Cá nhân sở hữu: 0

Đại diện sở hữu: Vốn SAMCO: 1.111.776 CP (10% VDL)

302
:ON
:OI
:HA
-NG
VH-

➤ **Thành viên HĐQT: LÊ VĂN HIỆP**

Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 09/4/1955
Nơi sinh: Sài Gòn
Quốc tịch: Việt nam
CMND số: 020640750 , ngày cấp: 06/06/2001,
Nơi cấp: TP HCM
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Sài Gòn
Địa chỉ thường trú: 811^a Trần Hưng Đạo , Phường 1, Q5, TP HCM.
Chỗ ở hiện tại: 811^a Trần Hưng Đạo , Phường 1, Q5, TP HCM
Điện thoại liên lạc: 0903811199
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Cơ khí ô tô.
Quá trình công tác:

- Từ năm 1978 đến 1993: Nhân viên XNQD Tái Sinh Dầu&Sản xuất Đất Đền
- Từ năm 1994 đến 1995: Chuyên viên XN Sản xuất vật tư GTVT Sài gòn.
- Từ năm 1996 đến 2000: Nhân viên phòng KD Cty cơ khí ô tô Sài gòn.
- Từ năm 2000 đến 2006: Phó trưởng phòng Dịch vụ HAXACO.
- Từ năm 2006 đến 2010: Trưởng BP mua hàng HAXACO.
- Từ năm 2010 đến nay: Phó GD Cty CP Phú Khang Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT HAXACO
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 6.265 CP (0,05% VDL)
Trong đó:
Cá nhân sở hữu: 6.265 CP (0,05% VDL)
Đại diện sở hữu: 0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: chưa có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát mọi mặt hoạt động của HAXACO, thường xuyên họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng. Ngoài ra còn có những phiên họp đột xuất, xin ý kiến bằng tờ trình để giải quyết các công việc cấp bách đáp ứng kịp thời yêu cầu của hoạt động kinh doanh dịch vụ Công ty.

Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc, chuyên nghiệp các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự ... thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động. Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tiến hành các điều chỉnh và thay đổi kịp thời đối với Công ty trên tất cả các lĩnh vực, rà soát Cơ cấu nhân sự, xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với định hướng phát triển Công ty. Hội đồng Quản trị tập trung quản lý nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, các chính sách của Công ty luôn đảm bảo các điểm cơ bản sau:

1. Cổ đông và các bên liên quan được đối xử công bằng và tốt đẹp như nhau.
2. Hội đồng Quản trị cam kết làm việc một cách thận trọng, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất, đạt được lợi ích tối đa cho cổ đông và ngăn chặn bất kỳ sự xung đột lợi ích nào, cũng như chịu trách nhiệm cho bất kỳ quyết định nào hay thỏa thuận nào do Công ty thực hiện.
3. Tất cả các hoạt động được triển khai một cách minh bạch và công khai cho việc giám sát, với sự cung cấp thông tin tương xứng cho các bên có liên quan.
4. Các hoạt động kinh doanh luôn tính đến các rủi ro với mức quản lý và được kiểm soát rủi ro hạn chế với mức thấp nhất.
5. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cập nhật thông tin thường xuyên và kịp thời trên website Công ty. Tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ nhà đầu tư.

Các cuộc họp của HĐQT năm 2014.

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị của HAXACO đã tiến hành các phiên họp với nội dung được tóm tắt như sau:

| PHIÊN HỌP | SỐ THÀNH VIÊN | NỘI DUNG |
|-----------------------|----------------------|--|
| Phiên 1 10/03/2014 | 5/5 | Giao cho Ban Điều hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV năm 2014. Chấp thuận việc chốt Danh sách cổ đông dự kiến trong khoảng thời gian từ ngày 26/03/2014 đến ngày 28/03/2014 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV dự kiến trong khoảng thời gian từ ngày |

| | | |
|-----------------------|-----|--|
| | | 22/04/2014 đến 25/04/2014 tại Chi nhánh Công ty số 2008 ĐL Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân. |
| Phiên 2 27/03/2014 | 4/5 | <p>Giao cho Ban Điều hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV năm 2014.</p> <p>Ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông là ngày 25/04/2014. Địa điểm tổ chức: 2008 ĐL Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Q Bình Tân.</p> <p>Thông qua các tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Thư mời; Giấy ủy quyền; dự thảo Thẻ lệ làm việc và biểu quyết, các Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; ... và một số tài liệu có liên quan khác (Tài liệu đính kèm).</p> <p>Thống nhất thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch 2014:</p> <p>Tổng Lợi nhuận trước thuế: 8.515.000.000đ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh: 1.004.000.000đ đ. - Dịch vụ: 7.511.000.000đ. <p>Kế hoạch đầu tư với các Danh mục có tổng hạn mức là 4,37 tỷ đồng.</p> <p>Kế hoạch đào tạo 240 lượt người với tổng kinh phí khoảng 376 triệu đồng.</p> <p>Kế hoạch nhân sự tối đa là 193 người, rà soát lại đội ngũ bán hàng, tính toán hiệu quả cụ thể của từng Nhân viên bán hàng, giảm các nhân sự không đạt yêu cầu.</p> <p>Kế hoạch tổng quỹ lương là 17 tỷ đồng.</p> <p>Đề xuất ĐHĐCĐ thường niên thông qua thù lao HĐQT & BKS như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT: 7.000.000đ/tháng. Thành viên HĐQT: 5.000.000đ/tháng. Trưởng Ban Kiểm soát: 5.000.000đ/tháng. Thành viên BKS: 3.500.000đ/tháng. Thư ký HĐQT: 1.500.000đ/tháng. <p>Chấp thuận tạm thời khoan nợ cũ, dùng thu lãi tiền vay của HAXACO Cần Thơ từ 01/2014 đến khi tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của HAXACO Cần Thơ và không thu lãi vay trên phần lãi chậm trả</p> <p>Đối với phụ tùng, Xưởng Dịch vụ kết hợp P Kế toán Tài chính phân loại đánh giá phụ tùng tồn kho, lỗi thời, không sử dụng được. Trước mắt Hội đồng Quản trị thống nhất đồng ý tạm trích lập dự phòng 100 triệu đồng/tháng.</p> |

| | | |
|-----------------------|-----|---|
| | | <p>Về khoản công nợ Công ty Minh Thắng 481.227.960đ (do Cô Đinh Đào Giao Thoại Khanh phụ trách) Hội đồng Quản trị thống nhất chấp thuận đề nghị thanh toán 20 triệu của Cô Khanh (nộp một lần). Ngoài ra khi nhận khoản tiền chế độ thôi việc, Cô Khanh phải thanh toán tiếp số tiền đó cho Công ty.</p> <p>Các khoản công nợ khó đòi của BP Kinh doanh, Hội đồng Quản trị thống nhất giao cho ban Điều hành xử lý theo quy định.</p> <p>Tiếp tục xử lý thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng bán xe, sửa chữa xe, công nợ tạm ứng quá hạn</p> |
| Phiên 3 16/06/2014 | 5/5 | Thống nhất thanh lý các xe Demo Công ty để luân chuyển vốn và phục vụ nhu cầu kinh doanh: E400, ML350. |
| Phiên 4 17/06/2014 | 5/5 | Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam làm Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của HAXACO với chi phí thực hiện không quá 110.000.000đ (đã bao gồm 10% VAT). |
| Phiên 5 09/08/2014 | 5/5 | Thông qua hạn mức tín dụng và thực hiện các giao dịch liên quan tại NH TMCP Kỹ thương Việt Nam với số tiền 80.000.000.000 đồng. |
| Phiên 6 11/08/2014 | 5/5 | Thống nhất thanh lý các xe Demo Công ty để luân chuyển vốn và phục vụ nhu cầu kinh doanh: C250, C300, GLK250, GLK, A200. |
| Phiên 7 10/10/2014 | 5/5 | Thống nhất thanh lý các xe Demo Công ty để luân chuyển vốn và phục vụ nhu cầu kinh doanh: C200, ML350. |
| Phiên 8 17/10/2014 | 5/5 | <p>Chấp thuận cho HAXACO thành lập Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.</p> <p>Thống nhất Bổ nhiệm Ông Vũ Quang Huy, sinh ngày 05/11/1975, chứng minh nhân dân số 011715310, cấp ngày 11/05/2011 làm Trưởng Chi nhánh HAXACO LÁNG HẠ</p> <p>Thống nhất Kế hoạch Nhân sự và Kế hoạch Tài chính của HAXACO Láng Hạ.</p> <p>Chấp thuận cho HAXACO thuê Khu đất 2.200m² tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.</p> <p>Thống nhất thời gian thực hiện Dự án: bắt đầu vào tháng 10/2014, dự kiến đi vào hoạt động tháng 02/2015.</p> <p>Về Hiệu quả của Dự án: thống nhất theo Kế hoạch của HAXACO trong Tờ trình ngày 16/09/2014.</p> <p>Hội đồng Quản trị thống nhất ủy quyền cho Ông Đỗ Tiến Dũng - Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc HAXACO được thay mặt Hội đồng Quản trị ký kết các Hợp</p> |

| | | |
|------------------------|-----|---|
| | | đồng liên quan đến việc thực hiện Dự án tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. |
| Phiên 9 11/11/2014 | 5/5 | Hội đồng Quản trị chấp thuận đưa chi phí sửa chữa 200.339.808đ (giá vốn) của xe 51NG 346.18 vào chi phí Công ty. |
| Phiên 10 17/11/2014 | 5/5 | Thống nhất thanh lý xe Demo E200 để luân chuyển vốn và phục vụ nhu cầu kinh doanh. |
| Phiên 11 26/12/2014 | 5/5 | Chấp thuận cho HAXACO được thanh lý một số phụ tùng có nhãn hiệu, quy cách không phù hợp với nhu cầu sử dụng do các phụ tùng này đã nhập từ trước năm 2008, tồn kho quá lâu và hiện không còn sử dụng được cho dịch vụ sửa chữa nhằm thu hồi vốn và giải phóng mặt bằng kho. Hình thức thanh lý: chào giá cạnh tranh, bán cho Đơn vị/cá nhân mua với giá cao nhất. |

Các Quyết định của HĐQT năm 2014

| STT | Số | Ngày | Nội dung | | | | | | | | |
|--------------------|-------------------|------------|---|---------------|-------------------|---------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------|---------|
| 1 | 01 | 02/04/2014 | <p>Thống nhất ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV năm 2014 là 25/04/2014. Địa điểm tổ chức: Chi nhánh Công ty số 2008 ĐL Võ Văn Kiệt, P An Lạc, Q Bình Tân.</p> <p>Thống nhất thông qua các tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Thư mời; Giấy ủy quyền; Dự thảo Thể lệ làm việc và biểu quyết, các Báo cáo của HĐQT, Ban Điều hành, các Tờ trình và một số tài liệu có liên quan khác.</p> | | | | | | | | |
| 2 | 02 | 02/04/2014 | <p>Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV năm 2014. Thành phần gồm có:</p> <table style="margin-left: 40px;"> <tr> <td>Đỗ Tiến Dũng</td> <td>Trưởng Ban</td> </tr> <tr> <td>Trần Quốc Hải</td> <td>Ủy viên</td> </tr> <tr> <td>Chu Thị Ngọc Huyền</td> <td>Ủy viên</td> </tr> <tr> <td>Nguyễn Bạch Tuyết</td> <td>Ủy viên</td> </tr> </table> <p>Các Thành viên trong Ban Tiếp tân, Thư ký đoàn dự kiến, Ban Kiểm phiếu dự kiến, phụ trách máy chiếu, âm thanh ánh sáng, chụp hình, quay phim, bảo vệ, IT theo Danh sách đính kèm.</p> | Đỗ Tiến Dũng | Trưởng Ban | Trần Quốc Hải | Ủy viên | Chu Thị Ngọc Huyền | Ủy viên | Nguyễn Bạch Tuyết | Ủy viên |
| Đỗ Tiến Dũng | Trưởng Ban | | | | | | | | | | |
| Trần Quốc Hải | Ủy viên | | | | | | | | | | |
| Chu Thị Ngọc Huyền | Ủy viên | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Bạch Tuyết | Ủy viên | | | | | | | | | | |
| 3 | 03 | 02/04/2014 | <p>Thống nhất thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch 2014:</p> <p>Tổng Lợi nhuận trước thuế: 8.515.000.000đ, trong đó:</p> <table style="margin-left: 40px;"> <tr> <td>- Kinh doanh:</td> <td>1.004.000.000đ đ.</td> </tr> <tr> <td>- Dịch vụ:</td> <td>7.511.000.000đ.</td> </tr> </table> | - Kinh doanh: | 1.004.000.000đ đ. | - Dịch vụ: | 7.511.000.000đ. | | | | |
| - Kinh doanh: | 1.004.000.000đ đ. | | | | | | | | | | |
| - Dịch vụ: | 7.511.000.000đ. | | | | | | | | | | |

| | | | |
|---|----|------------|--|
| | | | <p>Kế hoạch đầu tư với các Danh mục có tổng hạn mức là 4,37 tỷ đồng.</p> <p>Kế hoạch đào tạo 240 lượt người với tổng kinh phí khoảng 376 triệu đồng.</p> <p>Kế hoạch nhân sự tối đa là 193 người, rà soát lại đội ngũ bán hàng, tính toán hiệu quả cụ thể của từng Nhân viên bán hàng, giảm các nhân sự không đạt yêu cầu.</p> <p>Kế hoạch tổng quỹ lương là 17 tỷ đồng.</p> <p>Đề xuất ĐHCĐ thường niên thông qua thù lao HĐQT & BKS như sau:</p> <p>Chủ tịch HĐQT: 7.000.000đ/tháng. Thành viên HĐQT: 5.000.000đ/tháng. Trưởng Ban Kiểm soát: 5.000.000đ/tháng. Thành viên BKS: 3.500.000đ/tháng. Thư ký HĐQT: 1.500.000đ/tháng.</p> |
| 4 | 04 | 02/04/2014 | <p>Thành lập Ban Thẩm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV năm 2014. Thành phần gồm có:</p> <p>Đỗ Thị Thanh Huyền Trưởng Ban Hoàng Thị Minh Nguyệt Thành viên. Phạm Đức Hùng Thành viên.</p> |
| 5 | 05 | 09/08/2014 | <p>Thông qua hạn mức tín dụng và thực hiện các giao dịch liên quan tại NH TMCP Kỹ thương Việt Nam với số tiền 80.000.000.000 đồng.</p> |
| 6 | 06 | 17/10/2014 | <p>Chấp thuận cho HAXACO thành lập Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.</p> <p>Thống nhất Bổ nhiệm Ông Vũ Quang Huy, sinh ngày 05/11/1975, chứng minh nhân dân số 011715310, cấp ngày 11/05/2011 làm Trưởng Chi nhánh HAXACO LÁNG HẠ</p> <p>Thống nhất ủy quyền cho Ông Đỗ Tiến Dũng - Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc HAXACO được thay mặt Hội đồng Quản trị ký kết các Hợp đồng liên quan đến việc thực hiện Dự án tại 46 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.</p> |
| 7 | 07 | 18/10/2014 | <p>Chấp thuận cho Ban Tổng Giám Đốc HAXACO được giao dịch ký kết các Hợp đồng thuê mướn, hợp tác, khai thác,... với Công ty CP SX TM và DV ô tô PTM nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho HAXACO đồng thời đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.</p> |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng Quản trị ban hành những chủ trương nghị quyết xác thực từng tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi các nghị quyết nhằm hoàn thành nhiệm vụ.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: hiện chưa có tiểu ban.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (thời điểm 31/12/2014):

| STT | HỌ VÀ TÊN | SL CP SỞ HỮU | TỶ LỆ % |
|-----|-----------------------|--------------|---------|
| 01 | Trần Thị Ngọc Phương | 10 | 0 |
| 02 | Hoàng Thị Minh Nguyệt | 0 | 0 |
| 03 | Đặng Thị Phượng Loan | 483 | 0 |

➤ Trưởng Ban Kiểm soát: TRẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG

Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 12/12/1975
 Nơi sinh: An Giang
 Số CMND: 025222686 Ngày cấp: 16/11/2009
 Nơi cấp: CA TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: An Giang
 Địa chỉ thường trú: 115 Trần Đình Xu, P Nguyễn Cư Trinh, Q1, TPHCM.
 ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 39200 408
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.
 Quá trình công tác:
 • 1998 - nay: Công tác tại Tổng Công ty CK GTVT Sài Gòn (SAMCO).
 Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát HAXACO
 Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 555.898 CP (5% VDL)
 Trong đó:
 Cá nhân sở hữu: 10
 Đại diện sở hữu: Vốn SAMCO: 555.888 CP (5% VDL)

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát: HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT**

Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 02/10/1972
Nơi sinh: Hưng Yên
Quốc tịch: Việt nam
CMND số: 011668542, ngày cấp: 19/08/2005,
Nơi cấp: Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hưng Yên
Địa chỉ thường trú: 49/22/26 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, P.22
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện tại: 1354, Đường 31B, P.An Phú, Quận 2, TP.HCM
Điện thoại liên lạc: 0908475999
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Thương mại HN -
chuyên ngành Kế toán tài chính.
Quá trình công tác:
• Từ năm 1995 đến 1997: Kế toán công ty liên doanh kết cấu thép
Posililama
• Từ năm 1997 đến 2002: Kế toán tổng hợp kiêm trợ lý kế toán trưởng
công ty Phân bón Việt Nhật.
• Từ năm 2003 đến 2006: Kế toán trưởng Công Ty Liên Doanh May
Việt Hàn.
• Từ năm 2007-2009: Chuyên viên tài chính cao cấp công ty
Liên Doanh Capitalandvista.
• Từ năm 2009 đến nay: Chuyên viên kiểm toán - Ban Quản lý hợp đồng
thuộc Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt nam.
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát HAXACO
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 0 CP (0% VDL)
Trong đó:
Cá nhân sở hữu: 0
Đại diện sở hữu: 0

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát: ĐẶNG THỊ PHƯỢNG LOAN**

Giới tính: Nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 15/01/1981
Nơi sinh: Châu Thành – Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt nam
CMND số: 341007956 Ngày cấp: 24/05/2010
Nơi cấp: Đồng Tháp
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đồng Tháp
Địa chỉ thường trú: Tân Mỹ, Tân Phú Trung, Châu Thành,
Đồng Tháp
Điện thoại liên lạc: 0909 488 418
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
Quá trình công tác:

- Từ năm 2002 đến 2003: Cty TNHH Thiên Hoa
- Từ năm 2003 đến 2013: HAXACO.
- Từ năm 2013 đến nay:

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát HAXACO
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 24/03/2015): 483 CP (0% VDL)
Trong đó:
Cá nhân sở hữu: 483 CP
Đại diện sở hữu: 0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2014, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

- Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Thành phần tham gia bao gồm:

- | | |
|----------------------------|------------|
| - Bà Trần Thị Ngọc Phương | Trưởng Ban |
| - Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt | Thành viên |
| - Bà Đặng Thị Phượng Loan | Thành viên |

Kết quả kiểm tra, giám sát như sau:

I. GIÁM SÁT CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2014 VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ XV :

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2014:

- Số lượng xe bán: năm 2014 bằng 160,37 % so với năm 2013 (518 chiếc/323 chiếc).
- Số lượt sửa chữa: năm 2014 bằng 104,57% so với năm 2013 (8569 lượt/8194 lượt).
- Doanh thu và thu nhập khác: năm 2014 tăng 84% so với năm 2013 (1.225,2 tỷ đồng/667,1 tỷ đồng).
- Lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng 506% so với lợi nhuận trước thuế năm 2013 (18,3 tỷ đồng/3,03 tỷ đồng).

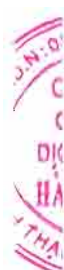
Một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính năm 2014:

- + Năng suất lao động bình quân năm 2014 tăng 114 %
- + Tiền lương bình quân năm 2014 tăng 38%.
- + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 16,6%
- + Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: 1,5%.
- + Tổng lợi nhuận trước thuế/Giá trị tổng tài sản : 7,5%
- + Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1,38 lần > 1
- + Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 0,09 lần < 1
- + Công nợ phải thu khách hàng là 67 tỷ tăng 58%, trong đó nợ phải thu quá hạn tồn tại từ năm 2012 trở về trước: thời gian từ 1-2 năm là 99 triệu đồng và từ 3 năm trở lên là 535 triệu đồng (các khoản nợ quá hạn này công ty đã trích lập dự phòng).
- + Công nợ phải trả khách hàng là: 137,2 tỷ giảm 3% (trong đó nợ vay ngân hàng giảm 40%).
- + Khoản trả trước cho người bán là 16.178.353.669 đồng (trong đó khoản ứng trước theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/7/2010 tại 2008 Võ Văn Kiệt là 9.566.770.051 đồng) tăng 35% do ứng trước cho các nhà cung cấp thuộc dự án xây dựng Haxaco Hà Nội.
- + Hàng tồn kho: 107,6 tỷ đồng giảm 13% chủ yếu do xe ô tô tồn giảm 30% so với cùng kỳ do công ty đã giải quyết các xe tồn kho từ những năm trước và kiểm soát được tình hình lưu thông hàng hóa trong năm 2014.

Nhìn chung, khả năng về tài chính của Công ty cải thiện dần và phát triển theo chiều hướng tốt. Công ty đảm bảo tốc độ tăng năng suất lao động bình quân cao hơn tốc độ tăng tiền lương bình quân của năm nay so với năm trước.

Các khoản đầu tư tài chính:

- + Hiện tại Công ty góp vốn vào Công ty CP Cơ khí ô tô Cần thơ chiếm tỷ lệ 72,62% vốn điều lệ, tương đương 21.872.000.000 đồng. Năm 2014, Công ty CP Cơ khí ô tô Cần thơ lỗ là 929,4 triệu đồng, lỗ lũy kế là 15,4 tỷ đồng; Tính đến 31/12/2014 Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá lũy kế cho khoản đầu tư tài chính dài hạn này là 10.929.668.911 đồng.



+ Theo thông báo số 209/TBGT-ĐKKD ngày 29/12/2014 của Sở kế hoạch và đầu tư TP Cần thơ đã giải thể Công ty con là Công ty TNHH MTV Cơ Khí Ô tô Cần Thơ, Công ty CP Cơ khí ô tô Cần Thơ hạch toán giảm vốn góp là 5,740 tỷ .

+ Ngoài chi nhánh số 2008 Võ Văn Kiệt, TP.Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 10 năm 2014 Công ty mở thêm chi nhánh HAXACO Hà nội kinh doanh xe cũ (tổng chi phí để xây dựng Chi nhánh tại Hà nội dự trù là 18 tỷ đồng theo Nghị quyết HĐQT số 06 ngày 17/10/2014, năm 2014 Công ty đã hạch toán vào CP XDCBDD là 810 triệu đồng và 6,5 tỷ đồng được ghi trong khoản trả trước cho người bán theo quy định).

2. Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ XV:

- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là một đơn vị kiểm toán đã được Bộ tài chính công nhận.

- Thực hiện việc trích thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký theo đúng mức được Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XV thông qua.

- Năm 2014, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu kinh tế quan trọng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 theo báo cáo tài chính hợp nhất thực hiện lãi 17,2 tỷ đồng, theo báo cáo tài chính Công ty mẹ là 18,3 tỷ đạt 215% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ XV đề ra (thông qua lãi 8,5 tỷ).

3. Công tác kế toán và Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 đã được kiểm toán:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2014 do Công ty lập và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán AFC lập, Ban Kiểm soát đã thẩm định và xác nhận:

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất được lập theo chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các chứng từ kế toán được ghi chép, lưu trữ, sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.

II. VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH.

- Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm đã tổ chức 11 cuộc họp và ra 7 Nghị quyết các vấn đề đều thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2014 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty.

- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện tốt các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty, pháp luật quy định và với tinh thần trách nhiệm cao đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Trong năm 2014, với nhiều nỗ lực của HĐQT, Ban Điều hành và sự đồng thuận của CBCNV, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động và thu nhập bình quân của người lao động..., gia tăng giá trị cho cổ đông, vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua và đạt mức tăng trưởng cao so với 2013. Mặc dù trong năm 2014 lãi nhưng vẫn chưa đủ bù đắp cho các khoản lỗ lũy kế của các năm trước (theo báo cáo hợp nhất lỗ lũy kế đến 31/12/2014 là 15,1 tỷ).

III. KIẾN NGHỊ

Để công ty ngày càng phát triển và ổn định, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Kiểm Soát có một số đề nghị công ty cần quan tâm:

- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ, luân chuyển và quy hoạch cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty (đặc biệt hỗ trợ Chi nhánh HAXACO Hà nội và Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ).

- Tiếp tục rà soát, thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế, quy định để phù hợp với các quy định Nhà nước hiện hành đồng thời đáp ứng yêu cầu quản trị của Công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng và tiếp thị để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Trong năm 2014 công tác dự báo thực hiện rất tốt, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong đầu tư, trong kinh doanh góp phần đem lại hiệu quả nhất định cho Doanh nghiệp. Trong năm 2015 cần tiếp tục làm tốt công tác này ở mức độ cao hơn, nhanh hơn.
- Ban điều hành tiếp tục rà soát và xử lý các khoản tổn động trong các năm trước như công nợ, tồn kho...
- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| Họ và tên | Thù lao | Ghi chú |
|-----------------|------------|---------|
| Lê Quang Định | 84.000.000 | |
| Đỗ Tiến Dũng | 60.000.000 | |
| Vũ Quang Huy | 60.000.000 | |
| Tăng Thị Thu Lý | 60.000.000 | |
| Lê Văn Hiệp | 60.000.000 | |

Thư ký Hội đồng Quản trị 18.000.000đ.

| Họ và tên | Thù lao | Ghi chú |
|-----------------------|------------|---------|
| Trần Thị Ngọc Phương | 60.000.000 | |
| Hoàng Thị Minh Nguyệt | 42.000.000 | |
| Đặng Thị Phượng Loan | 42.000.000 | |

Tổng Lương của Tổng Giám Đốc năm 2014 là 825.333.333 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| S T T | NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH | QUAN HỆ VỚI CĐ NỘI BỘ/CĐ LỚN | Số CP sở hữu đầu kỳ | | Số CP sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm |
|-------------|------------------------------|---|------------------------|-------|-------------------------|-------|------------------------|
| | | | Số CP | Tỷ lệ | Số CP | Tỷ lệ | |
| 1 | Vũ Thị Hạnh | Vợ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc | 530.000 | 4,77% | 755.457 | 6,80% | Mua |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Ngày 18 tháng 04 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ TIẾN DŨNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1-4 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 5-6 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 7-10 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 13-37 |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con gồm Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ.

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (Mã chứng khoán: HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty còn có chi nhánh tại 2008 Võ Văn Kiệt, khu phố 2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh được đặt tại 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm: Đại lý mua bán phụ tùng các loại; Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô; Đại lý bảo hiểm; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán xe ô tô; Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện); Cho thuê xe ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn trong năm 2014:

Cổ phiếu của công ty mẹ (Mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Các công ty con

Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ

Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp Cơ khí Ô tô Cần Thơ theo Quyết định số 3405/QĐ – CT.UB ngày 21 tháng 12 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800420206 (số cũ là 5703000010), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa đóng mới các phương tiện vận tải; Sản xuất gia công các sản phẩm công nghiệp khác; Thiết kế, đóng mới, cải tạo các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Bán xe ô tô, phụ tùng ô tô và phụ tùng phương tiện vận tải; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông; Kinh doanh và cho thuê cao ốc văn phòng; Đầu tư, mua bán doanh nghiệp; Kinh doanh và cho thuê xe ô tô; Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ ("Công ty") là công ty TNHH 100% vốn do Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801164717, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 274 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê xe có động cơ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đại lý, môi giới, đấu giá; Thiết kế, đóng mới, cải tạo các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Sản xuất, gia công các sản phẩm công nghiệp khác; Đầu tư bất động sản; Kinh doanh và cho thuê cao ốc văn phòng; Vận tải thuê tàu và đại lý cung ứng tàu biển.

Trong 10 tháng đầu năm 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Công ty đã chính thức giải thể theo Thông báo số 209/TBGT-ĐKKD ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|----------|----------------------|
| Ông Lê Quang Định | Chủ tịch | 19 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Đỗ Tiến Dũng | Ủy viên | 06 tháng 5 năm 2013 |
| Ông Vũ Quang Huy | Ủy viên | 06 tháng 5 năm 2013 |
| Ông Lê Văn Hiệp | Ủy viên | 06 tháng 5 năm 2013 |
| Bà Tăng Thị Thu Lý | Ủy viên | 06 tháng 5 năm 2013 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------|
| Bà Trần Thị Ngọc Phương | Trưởng ban | 06 tháng 5 năm 2013 |
| Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt | Ủy viên | 06 tháng 5 năm 2013 |
| Bà Đặng Thị Phượng Loan | Ủy viên | 06 tháng 5 năm 2013 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|---|----------------------|
| Ông Đỗ Tiến Dũng | Tổng Giám đốc | 06 tháng 5 năm 2013 |
| Ông Trần Quốc Hải | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 10 năm 2013 |
| Bà Chu Thị Ngọc Huyền | Giám đốc Tài chính kiểm Kế toán trưởng | 19 tháng 01 năm 2013 |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cũng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông LÊ QUANG ĐỊNH
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Số : 88/2015/BCKTHN-HCM.00561

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày **28 tháng 3** năm 2015, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày **31 tháng 12** năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

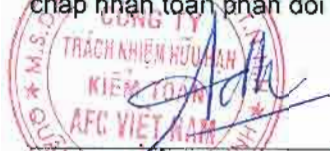
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Cổ phiếu của Công ty mẹ (Mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khấp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 28 tháng 3 năm 2014.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015

DIỆP QUỐC BÌNH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 190.620.578.561 | 184.347.277.953 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 13.137.174.124 | 10.778.974.522 |
| Tiền | 111 | | 13.137.174.124 | 10.778.974.522 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| Các khoản phải thu | 130 | | 67.047.638.909 | 46.326.278.053 |
| Phải thu khách hàng | 131 | 4.2 | 51.395.278.626 | 34.083.218.935 |
| Trả trước cho người bán | 132 | 4.3 | 16.186.853.669 | 12.124.075.721 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 135 | 4.4 | 126.896.872 | 825.885.037 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | 4.5 | (661.390.258) | (706.901.640) |
| Hàng tồn kho | 140 | 4.6 | 109.626.243.230 | 125.578.899.695 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 110.794.243.230 | 125.578.899.695 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.168.000.000) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 809.522.298 | 1.663.125.683 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.7 | 108.916.418 | 1.070.848.930 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 4.17 | - | 2.520.720 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 4.17 | 676.203.779 | 386.692.078 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 4.8 | 24.402.101 | 203.063.955 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 51.752.478.295 | 47.828.287.595 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 213 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 49.657.006.057 | 44.872.154.158 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.9 | 36.131.022.997 | 32.029.956.258 |
| Nguyên giá | 222 | | 66.860.579.630 | 61.140.401.519 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (30.729.556.633) | (29.110.445.261) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.10 | 11.695.166.800 | 11.822.029.300 |
| Nguyên giá | 228 | | 12.273.516.280 | 12.431.016.280 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (578.349.480) | (608.986.980) |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 4.11 | 1.830.816.260 | 1.020.168.600 |
| Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| Nguyên giá | 241 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 407.157.155 | 748.424.179 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.12 | 399.157.155 | 336.174.179 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | 8.000.000 | 412.250.000 |
| Lợi thế thương mại | 269 | 4.13 | 1.688.315.083 | 2.207.709.258 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 242.373.056.856 | 232.175.565.548 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 139.563.220.884 | 145.978.948.780 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 139.563.220.884 | 145.378.948.780 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 4.14 | 59.213.611.070 | 94.786.971.186 |
| Phải trả cho người bán | 312 | 4.15 | 49.200.791.782 | 32.243.054.940 |
| Người mua trả tiền trước | 313 | 4.16 | 22.350.777.177 | 12.909.192.080 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 4.17 | 2.457.073.602 | 1.698.061.277 |
| Phải trả công nhân viên | 315 | | 3.586.624.948 | 1.287.439.235 |
| Chi phí phải trả | 316 | 4.18 | 1.500.122.204 | 888.124.949 |
| Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 4.19 | 1.239.685.849 | 1.551.570.861 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 323 | | 14.534.252 | 14.534.252 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | 600.000.000 |
| Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | 4.20 | - | 600.000.000 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 100.927.401.066 | 83.986.096.089 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.21 | 100.927.401.066 | 83.986.096.089 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 111.161.690.000 | 111.161.690.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 635.620.600 | 635.620.600 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.092.211.052 | 1.092.211.052 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 3.217.014.640 | 3.217.014.640 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | (15.179.135.226) | (32.120.440.203) |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | 4.22 | 1.882.434.906 | 2.210.520.679 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 242.373.056.856 | 232.175.565.548 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-------------|-------------|----------------|
| Tài sản thuê ngoài | | 26.235.000 | 26.235.000 |
| Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | 255.210.000 | 10.963.082.727 |
| Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| Ngoại tệ các loại - USD | 4.1 | 211,39 | 466,40 |
| Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

PHẠM HỒNG NGỌC
Người lập

CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng



ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Mã số | Thuyết minh | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 1.220.102.143.346 | 686.968.933.331 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 148.866.235 | 125.493.792 |
| Doanh thu thuần | 10 | 5.1 | 1.219.953.277.111 | 686.843.439.539 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 1.184.045.445.748 | 658.380.870.970 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 35.907.831.363 | 28.462.568.569 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 209.105.213 | 64.265.241 |
| Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 4.717.372.909 | 8.026.890.321 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 4.448.525.702 | 7.978.954.098 |
| Chi phí bán hàng | 24 | 5.5 | 24.128.733.082 | 19.541.853.465 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.6 | 11.484.637.651 | 10.048.680.352 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (4.213.807.066) | (9.090.590.328) |
| Thu nhập khác | 31 | 5.7 | 44.392.443.420 | 23.455.433.238 |
| Chi phí khác | 32 | 5.8 | 22.937.514.946 | 12.791.199.267 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 21.454.928.474 | 10.664.233.971 |
| Phân lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết liên doanh | 45 | | - | - |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 17.241.121.408 | 1.573.643.643 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.9 | 911.250.594 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | 110.324.661 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 16.329.870.814 | 1.463.318.982 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | (328.085.773) | (1.035.695.540) |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 16.657.956.587 | 2.499.014.522 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.10 | 1.499 | 225 |

PHẠM HỒNG NGỌC

Người lập

CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

ĐỖ TIẾN DŨNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

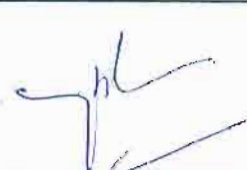
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH


235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| | Mã số | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-----------|-------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 17.241.121.408 | 1.573.643.643 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 7.584.491.787 | 7.503.028.211 |
| Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) | 03 | 1.122.488.618 | (395.316.512) |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (61.218.200) | - |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 272.721.719 | (123.817.744) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 4.448.525.702 | 7.978.954.098 |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 30.608.131.034 | 16.536.491.696 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (24.586.530.223) | 12.740.500.372 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | 14.784.656.465 | (14.167.053.192) |
| Tăng/ (giảm) các khoản phải trả | 11 | 36.610.933.109 | (15.729.711.152) |
| (Tăng)/ giảm chi phí trả trước | 12 | 1.000.717.540 | (527.261.223) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (4.448.525.702) | (8.343.172.755) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (151.852.953) | (625.042.513) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 404.238.564 | 200.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 54.221.767.834 | (9.915.248.767) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (37.712.437.291) | (15.440.704.282) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | 21.915.712.162 | 12.657.500.455 |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 106.517.013 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (15.690.208.116) | (2.783.203.827) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 362.005.547.180 | 370.579.310.079 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (398.178.907.296) | (356.687.933.666) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (36.173.360.116) | 13.891.376.413 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | 50 | 2.358.199.602 | 1.192.923.819 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | 10.778.974.522 | 9.586.050.703 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 13.137.174.124 | 10.778.974.522 |


PHẠM HỒNG NGỌC
 Người lập


CHU THỊ NGỌC HUYỀN
 Giám đốc Tài chính
 kiêm Kế toán trưởng




ĐỖ TIẾN DŨNG
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con gồm Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ.

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty còn có chi nhánh tại 2008 Võ Văn Kiệt, khu phố 2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh được đặt tại 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty. (Mã chứng khoán: HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là: Đại lý mua bán phụ tùng các loại; Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô; Đại lý bảo hiểm; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán xe ô tô; Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện); Cho thuê xe ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn trong năm 2014:

Cổ phiếu của công ty mẹ (Mã chứng khoán là HAX) bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 111/2013/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 486/2013/TB-SGDHCM ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu HAX được giao dịch trở lại dưới dạng bị kiểm soát kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời gian giao dịch là 15 phút trong đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của mỗi ngày giao dịch.

Theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc duy trì cổ phiếu HAX thuộc diện bị kiểm soát và Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển cổ phiếu HAX từ diện kiểm soát sang diện cảnh báo kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các công ty con

Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ

Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp Cơ khí Ô tô Cần Thơ theo Quyết định số 3405/QĐ – CT.UB ngày 21 tháng 12 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800420206 (số cũ là 5703000010), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa đóng mới các phương tiện vận tải; Sản xuất gia công các sản phẩm công nghiệp khác; Thiết kế, đóng mới, cải tạo các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Bán xe ô tô, phụ tùng ô tô và phụ tùng phương tiện vận tải; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông; Kinh doanh và cho thuê cao ốc văn phòng; Đầu tư, mua bán doanh nghiệp; Kinh doanh và cho thuê xe ô tô; Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

Tỷ lệ lợi ích/ quyền biểu quyết của công ty mẹ là 72,62%.

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ là công ty TNHH 100% vốn do Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801164717 ngày 08 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại 274 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê xe có động cơ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đại lý, môi giới, đấu giá; Thiết kế, đóng mới, cải tạo các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Sản xuất, gia công các sản phẩm công nghiệp khác; Đầu tư bất động sản; Kinh doanh và cho thuê cao ốc văn phòng; Vận tải thuê tàu và đại lý cung ứng tàu biển.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 72,62% và quyền biểu quyết của công ty mẹ là 100,00%.

Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Ô tô Cần Thơ đã chính thức giải thể theo Thông báo số 209/TBGT-ĐKKD ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số lượng nhân viên của Tập đoàn 239 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 252 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lỗ đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

3.2 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm 2014, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này là 21.380 VND/USD.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các vật tư, phụ tùng xuất cho xưởng sửa chữa, bảo hành và các chi phí nhân công liên quan đến các dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là tiền bảo hiểm rủi ro tài sản, công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.

3.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 10 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 - 10 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 3 - 10 năm |

3.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.9 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm đến 5 năm.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

3.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Tập đoàn còn trích kinh phí công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

3.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.15 Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông của công ty mẹ được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.17 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.19 Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ đang lưu hành trong năm.

3.22 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị lý thuyết qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.23 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.24 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

| Công ty | Quan hệ |
|---|-------------------------------|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH một thành viên | Cổ đông đại diện vốn Nhà nước |
| Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | Thành viên chủ chốt |

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ | 3.349.995.240 | 5.311.879.779 |
| Tiền gửi ngân hàng - VND | 9.782.776.354 | 5.462.696.872 |
| Tiền gửi ngân hàng - USD | 4.402.530 | 4.397.871 |
| | 13.137.174.124 | 10.778.974.522 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
 235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

| 4.2 Các khoản phải thu khách hàng | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu thương mại - bên thứ ba | 51.395.278.626 | 34.083.218.935 |
| | <u>51.395.278.626</u> | <u>34.083.218.935</u> |

| 4.3 Trả trước cho người bán | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán - bên thứ ba (*) | 16.186.853.669 | 12.124.075.721 |
| | <u>16.186.853.669</u> | <u>12.124.075.721</u> |

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư trả trước người bán chủ yếu là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010 với số tiền 9.566.770.051 VND.

| 4.4 Các khoản phải thu khác | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu tiền chiết khấu Công ty TNHH liên doanh sản xuất ô tô Ngôi Sao | - | 118.400.000 |
| Phải thu do chi hộ Công ty TNHH Nhựa Phước Thành | - | 220.256.304 |
| Phải thu do chi hộ Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam | - | 232.360.000 |
| Phải thu khác | 126.896.872 | 254.868.733 |
| | <u>126.896.872</u> | <u>825.885.037</u> |

| 4.5 Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm | - | 5.088.487 |
| Nợ phải thu quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm | 99.300.373 | 119.678.268 |
| Nợ phải thu quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm | - | 31.745.000 |
| Nợ phải thu quá hạn trên 3 năm | 562.089.885 | 550.389.885 |
| | <u>661.390.258</u> | <u>706.901.640</u> |

Tình hình thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 706.901.640 | 511.124.490 |
| Tăng dự phòng trong năm | - | 195.777.150 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (45.511.382) | - |
| Số dư cuối năm | <u>661.390.258</u> | <u>706.901.640</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.6 Hàng tồn kho

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 30.467.832.215 | 18.782.524.961 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.705.658.858 | 102.331.507 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.554.382.369 | 1.823.164.687 |
| Hàng hóa (*) | 75.066.369.788 | 96.791.071.522 |
| Hàng gửi đi bán | - | 8.079.807.018 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 110.794.243.230 | 125.578.899.695 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (**) | (1.168.000.000) | - |
| Giá trị thuần | 109.626.243.230 | 125.578.899.695 |

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của hàng hóa được dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng là 53.420.463.009 VND.

(**) Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau :

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|------------------------------|----------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | - | 591.093.662 |
| Tăng dự phòng trong năm | 1.168.000.000 | - |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | - | (591.093.662) |
| Số dư cuối năm | 1.168.000.000 | - |

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 5.622.250 | 200.265.114 |
| Chi phí thuê đất | - | 201.647.727 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 23.808.334 | 76.879.849 |
| Công cụ, dụng cụ | - | 83.381.003 |
| Chi phí tổ chức sự kiện | 20.819.167 | 126.881.689 |
| Chi phí khác | 58.666.667 | 381.793.548 |
| | 108.916.418 | 1.070.848.930 |

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-----------------------------------|-------------------|--------------------|
| Tạm ứng nhân viên | 22.528.640 | 201.201.930 |
| Ký quỹ tại ngân hàng Maritimebank | 1.873.461 | 1.862.025 |
| | 24.402.101 | 203.063.955 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|---|----------------------------------|----------------------------|---|------------------------------------|--------------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | 32.448.516.096 | 11.595.106.341 | 15.536.783.296 | 1.253.760.909 | 306.234.877 | 61.140.401.519 |
| Tăng trong năm | 48.510.000 | 1.721.280.271 | 35.105.812.974 | - | - | 36.875.603.245 |
| Giảm do thanh lý | (4.965.020.147) | (268.618.190) | (22.403.066.790) | (33.954.545) | - | (27.670.659.672) |
| Giảm do phân loại lại (*) | (51.633.975) | (381.553.070) | - | (118.444.006) | - | (551.631.051) |
| Giảm do hưởng chiết khấu | - | - | (2.758.928.589) | - | - | (2.758.928.589) |
| Giảm khác | - | - | (174.205.822) | - | - | (174.205.822) |
| Vào ngày 31/12/2014 | 27.480.371.974 | 12.666.215.352 | 25.306.395.069 | 1.101.362.358 | 306.234.877 | 66.860.579.630 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | 19.303.667.724 | 6.793.741.839 | 1.601.114.600 | 1.105.686.221 | 306.234.877 | 29.110.445.261 |
| Khấu hao trong năm | 2.219.107.641 | 2.142.544.056 | 3.043.846.028 | 123.419.062 | - | 7.528.916.787 |
| Giảm do thanh lý | (1.961.025.680) | (268.618.190) | (2.962.706.667) | (29.427.268) | - | (5.221.777.805) |
| Giảm do phân loại lại (*) | (51.633.975) | (343.743.807) | - | (118.444.006) | - | (513.821.788) |
| Giảm khác | - | - | - | (174.205.822) | - | (174.205.822) |
| Vào ngày 31/12/2014 | 19.510.115.710 | 8.323.923.898 | 1.508.048.139 | 1.081.234.009 | 306.234.877 | 30.729.556.633 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | 13.144.848.372 | 4.801.364.502 | 13.935.668.696 | 148.074.688 | - | 32.029.956.258 |
| Vào ngày 31/12/2014 | 7.970.256.264 | 4.342.291.454 | 23.798.346.930 | 20.128.349 | - | 36.131.022.997 |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | 10.144.593.540 | 775.825.516 | 536.820.338 | 726.580.465 | 306.234.877 | 12.490.054.736 |
| Vào ngày 31/12/2014 | 11.200.669.820 | 3.020.980.758 | 536.820.338 | 1.008.462.358 | 306.234.877 | 16.073.168.151 |

(*) Phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

- Tập đoàn đã thế chấp nhà cửa vật kiến trúc gắn liền quyền sử dụng đất tại số 333/4, 331H, 331K, 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.
- Giá trị còn lại của Showroom tại 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ là 4.086.806.964 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | 11.646.416.800 | 784.599.480 | 12.431.016.280 |
| Giảm do phân loại lại (*) | - | (58.500.000) | (58.500.000) |
| Giảm khác | - | (99.000.000) | (99.000.000) |
| Vào ngày 31/12/2014 | 11.646.416.800 | 627.099.480 | 12.273.516.280 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | - | 608.986.980 | 608.986.980 |
| Khấu hao trong năm | - | 55.575.000 | 55.575.000 |
| Giảm do phân loại lại (*) | - | (42.900.000) | (42.900.000) |
| Giảm khác | - | (43.312.500) | (43.312.500) |
| Vào ngày 31/12/2014 | - | 578.349.480 | 578.349.480 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Vào ngày 01/01/2014 | 11.646.416.800 | 175.612.500 | 11.822.029.300 |
| Vào ngày 31/12/2014 | 11.646.416.800 | 48.750.000 | 11.695.166.800 |

(*) Phân loại lại theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 333/4, 331H, 331K, 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công trình khu phức hợp Cameco | 1.020.168.600 | 1.020.168.600 |
| Công trình chi nhánh tại Hà Nội | 810.647.660 | - |
| | 1.830.816.260 | 1.020.168.600 |

4.12 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 399.157.155 | 336.174.179 |

4.13 Lợi thế thương mại

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.207.709.258 | 2.727.103.433 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | (519.394.175) | (519.394.175) |
| Số dư cuối năm | 1.688.315.083 | 2.207.709.258 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.14 Vay và nợ ngắn hạn

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng: (a) | 47.113.611.070 | 89.186.971.186 |
| - Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) | 40.542.233.757 | 59.208.103.530 |
| - Ngân hàng TMCP phát triển Nhà TP.HCM | - | 23.485.549.036 |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đa | 6.571.377.313 | 6.493.318.620 |
| Vay ngắn hạn của tổ chức khác (b) | 6.000.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn của cá nhân (c) | 5.500.000.000 | 5.000.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 4.20) | 600.000.000 | 600.000.000 |
| | 59.213.611.070 | 94.786.971.186 |

- (a) Khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Thẻ chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 333/4, 331H, 331K, 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Thẻ chấp hợp đồng bảo hiểm tài sản gắn liền với đất cùng với thư xác nhận chuyển nhượng quyền thụ hưởng;
 - Thẻ chấp hàng hóa là xe ô tô.
- (b) Khoản vay không thế chấp tại Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo các hợp đồng vay với lãi suất 8,5%/năm.
- (c) Khoản vay cá nhân không thế chấp theo các hợp đồng vay với lãi suất 8,5%/năm.

4.15 Phải trả người bán

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả thương mại - bên thứ ba | 49.200.791.782 | 32.243.054.940 |
| | 49.200.791.782 | 32.243.054.940 |

4.16 Người mua trả tiền trước

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, người mua trả tiền trước là khoản ứng trước tiền bán xe và dịch vụ sửa chữa xe.

4.17 Thuế**Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | - | 2.520.720 |
| | - | 2.520.720 |

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên | 102.260.181 | 72.662.773 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.465.499 | 4.465.499 |
| Tiền thuế đất | 569.478.099 | 309.563.806 |
| | 676.203.779 | 386.692.078 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.18 Thuế (tiếp theo)*Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 768.545.102 | 1.521.748.072 |
| Tiền thuế đất | 663.080.796 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên | 175.709.733 | 176.313.205 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 849.737.971 | - |
| | 2.457.073.602 | 1.698.061.277 |

4.18 Chi phí phải trả

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|----------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 246.984.470 | 143.765.591 |
| Lãi chậm trả cho Mercedes Benz Việt Nam | - | 40.830.280 |
| Chi phí thuê phần mềm Mercedes Benz Việt Nam | - | 82.131.050 |
| Chi phí hoa hồng | 37.951.092 | 130.470.000 |
| Chi phí vận chuyển | 408.764.167 | - |
| Chi phí đăng ký xe | 193.536.547 | - |
| Chi phí tổ chức sự kiện | 113.786.818 | - |
| Chi phí phải trả khác | 499.099.110 | 490.928.028 |
| | 1.500.122.204 | 888.124.949 |

4.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 17.557.770 | 59.048.540 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp | 159.653.940 | 336.794.370 |
| Tiền thuê kho phải trả Samco | 383.000.000 | 383.000.000 |
| Hàng thừa chờ xử lý | 12.640.835 | 12.640.835 |
| Cổ tức phải trả | 86.875.200 | 86.875.200 |
| Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn | 200.000.000 | 250.000.000 |
| Phải trả khác | 379.958.104 | 423.211.916 |
| | 1.239.685.849 | 1.551.570.861 |

4.20 Vay và nợ dài hạn

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-----------------------------|-------------------|--------------------|
| Vay dài hạn (*) | 600.000.000 | 1.200.000.000 |
| Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả | (600.000.000) | (600.000.000) |
| | - | 600.000.000 |

(*) Đây là khoản vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để đầu tư thiết kế, thi công showroom và sửa chữa cải tạo văn phòng làm việc. Khoản vay này có thời hạn là 5 năm, lãi suất 11,5%/ năm (lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) và được đảm bảo bằng công trình và vật kiến trúc của showroom và văn phòng tại số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.21 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quý đầu tư phát triển VND | Quý dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|--------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------------|
| Số dư 01/01/2013 | 111.161.690.000 | 635.620.600 | 1.092.211.052 | 3.264.052.880 | (34.428.281.148) | 81.725.293.384 |
| Lãi trong năm 2013 | - | - | - | - | 2.499.014.522 | 2.499.014.522 |
| Giảm khác | - | - | - | (47.038.240) | (191.173.577) | (238.211.817) |
| Số dư 31/12/2013 | 111.161.690.000 | 635.620.600 | 1.092.211.052 | 3.217.014.640 | (32.120.440.203) | 83.986.096.089 |
| Số dư 01/01/2014 | 111.161.690.000 | 635.620.600 | 1.092.211.052 | 3.217.014.640 | (32.120.440.203) | 83.986.096.089 |
| Lãi trong năm 2014 | - | - | - | - | 16.657.956.587 | 16.657.956.587 |
| Tăng khác | - | - | - | - | 283.348.390 | 283.348.390 |
| Số dư 31/12/2014 | 111.161.690.000 | 635.620.600 | 1.092.211.052 | 3.217.014.640 | (15.179.135.226) | 100.927.401.066 |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 111.161.690.000 VND. Chi tiết như sau:

| Cổ đông | Giá trị vốn góp VND | Tỷ lệ % |
|---|------------------------|---------------|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên | 36.277.240.000 | 32,63 |
| Cổ đông khác | 74.884.450.000 | 67,37 |
| | 111.161.690.000 | 100,00 |

Cổ phiếu

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.116.169 | 11.116.169 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.116.169 | 11.116.169 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.116.169 | 11.116.169 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 11.116.169 | 11.116.169 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.116.169 | 11.116.169 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.116.169 | 11.116.169 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.116.169 | 11.116.169 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

4.22 Lợi ích của cổ đông thiểu số

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.210.520.679 | 3.021.296.958 |
| Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số | (328.085.773) | (1.035.695.540) |
| Điều chỉnh tăng khác | - | 224.919.261 |
| Số cuối năm | 1.882.434.906 | 2.210.520.679 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Doanh thu**

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu kinh doanh xe | 1.107.791.720.432 | 585.351.896.735 |
| Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng | 111.838.887.961 | 101.419.084.420 |
| Doanh thu hoạt động khác | 471.534.953 | 197.952.176 |
| | 1.220.102.143.346 | 686.968.933.331 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Chiết khấu thương mại | (148.866.235) | (121.582.092) |
| Hàng bán bị trả lại | - | (3.911.700) |
| | (148.866.235) | (125.493.792) |
| Doanh thu thuần | 1.219.953.277.111 | 686.843.439.539 |

5.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|--------------------------|------------------------|
| Giá vốn kinh doanh xe | 1.079.965.655.996 | 567.931.468.760 |
| Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng (*) | 102.853.852.734 | 90.850.782.904 |
| Giá vốn hoạt động khác | 57.937.018 | 189.712.968 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho | 1.168.000.000 | (591.093.662) |
| | 1.184.045.445.748 | 658.380.870.970 |

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp dịch vụ theo yếu tố chi phí:

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 75.754.167.598 | 66.795.264.065 |
| Chi phí nhân công | 13.279.171.424 | 9.642.998.659 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 983.993.686 | 852.010.196 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.076.240.767 | 2.399.663.192 |
| Chi phí thuê | 5.877.137.911 | 6.102.706.153 |
| Chi phí điện, nước, điện thoại | 1.342.936.804 | 1.237.702.641 |
| Chi phí khác | 4.271.422.226 | 3.822.708.893 |
| Tổng chi phí sản xuất | 104.585.070.416 | 90.853.053.799 |
| Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu năm | 1.823.164.687 | 1.820.893.792 |
| Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối năm | (3.554.382.369) | (1.823.164.687) |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ và phụ tùng | 102.853.852.734 | 90.850.782.904 |

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 45.517.013 | 50.648.160 |
| Lãi chậm trả | 61.000.000 | 6.110.104 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 41.370.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 61.218.200 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | - | 7.506.977 |
| | 209.105.213 | 64.265.241 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 4.260.941.275 | 6.837.643.799 |
| Chi phí lãi mua hàng trả chậm | 187.584.427 | 1.141.310.299 |
| Lỗ do thu hồi khoản đầu tư công ty con | 268.847.207 | - |
| Chi phí tài chính khác | - | 47.936.223 |
| | 4.717.372.909 | 8.026.890.321 |

5.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 7.716.273.089 | 5.779.887.196 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 986.426.918 | 318.569.595 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.021.697.958 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.674.671.899 | 3.586.730.605 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.662.344.105 | 5.136.454.288 |
| Chi phí khác bằng tiền | 5.067.319.113 | 4.720.211.781 |
| | 24.128.733.082 | 19.541.853.465 |

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 5.441.165.469 | 4.854.493.339 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 879.100.091 | 233.371.301 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 833.579.121 | 997.240.239 |
| Chi phí lợi thế thương mại | 519.394.175 | 519.394.175 |
| Tặng/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng | (37.575.882) | 195.777.150 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.004.167.874 | 538.235.789 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.844.806.803 | 2.710.168.359 |
| | 11.484.637.651 | 10.048.680.352 |

5.7 Thu nhập khác

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 22.361.363.635 | 12.657.500.455 |
| Thu nhập từ thưởng, hỗ trợ bán hàng | 20.718.506.141 | 7.941.376.199 |
| Thu nhập từ tiền nhận gửi xe | 302.905.679 | - |
| Xử lý công nợ | 367.826.656 | 2.190.400.410 |
| Thu nhập khác | 641.841.309 | 666.156.174 |
| | 44.392.443.420 | 23.455.433.238 |

5.8 Chi phí khác

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý | 22.448.881.867 | 12.533.682.711 |
| Tiền phạt, truy thu thuế | 297.128.078 | 206.023.150 |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 22.873.293 | - |
| Chi phí khác | 168.631.708 | 51.493.406 |
| | 22.937.514.946 | 12.791.199.267 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế theo kế toán | 17.241.121.408 | 1.573.643.643 |
| Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận | 646.649.069 | 428.934.030 |
| Lợi nhuận chịu thuế trong năm | 17.887.770.477 | 2.002.577.673 |
| Lỗi năm trước được chuyển sang | (15.156.655.160) | (3.461.154.680) |
| Lợi nhuận/ (lỗ) tính thuế trong năm | 3.862.445.322 | (1.458.577.007) |
| Thuế suất thuế TNDN | 22% | 25% |
| Chi phí thuế TNDN tính trên lợi nhuận tính thuế trong năm hiện hành | 849.737.971 | - |
| Bổ sung thuế TNDN năm 2011-2012 theo quyết định của cơ quan thuế | 61.512.623 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 911.250.594 | - |

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|--------------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ | VND 16.657.956.587 | 2.499.014.522 |
| Cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm | CP 11.116.169 | 11.116.169 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VND/CP 1.499 | 225 |

5.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------------|------------------------|-----------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 79.625.386.251 | 68.199.215.157 |
| Chi phí nhân công | 26.436.609.982 | 20.277.379.194 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.584.491.787 | 6.983.634.036 |
| Chi phí lợi thế thương mại | 519.394.175 | 519.394.175 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.849.010.812 | 13.210.876.021 |
| Chi phí khác bằng tiền | 12.183.548.142 | 11.253.089.033 |
| 140.198.441.149 | 120.443.587.616 | |

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên | | |
| - Vay ngắn hạn | - | 10.000.000.000 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có khoản công nợ nào đối với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.2 Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 1.934.133.333 | 1.385.239.131 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp | 61.985.911 | 59.166.240 |
| Khác | - | 1.000.000 |
| | 1.996.119.244 | 1.445.405.371 |

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm :

- Lĩnh vực kinh doanh xe
- Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau :

| | Kinh doanh xe VND | Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND | Cộng VND |
|--|----------------------|--|-----------------------|
| Năm 2014 | | | |
| DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.107.791.720.432 | 112.161.556.679 | 1.219.953.277.111 |
| DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.107.791.720.432 | 112.161.556.679 | 1.219.953.277.111 |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận | (1.080.190.655.996) | (103.854.789.752) | (1.184.045.445.748) |
| Lãi gộp theo bộ phận | 27.601.064.436 | 8.306.766.927 | 35.907.831.363 |
| Các chi phí phân bổ theo bộ phận | (21.910.356.105) | (2.218.376.977) | (24.128.733.082) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 5.690.708.331 | 6.088.389.950 | 11.779.098.281 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (11.484.637.651) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 294.460.630 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 209.105.213 |
| Chi phí hoạt động tài chính | | | (4.717.372.909) |
| Thu nhập khác | | | 44.392.443.420 |
| Chi phí khác | | | (22.937.514.946) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (911.250.594) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 16.329.870.814 |
| Năm 2013 | | | |
| DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 585.351.896.735 | 101.491.542.804 | 686.843.439.539 |
| DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 585.351.896.735 | 101.491.542.804 | 686.843.439.539 |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận | (567.931.468.760) | (90.449.402.210) | (658.380.870.970) |
| Lãi gộp theo bộ phận | 17.420.427.975 | 11.042.140.594 | 28.462.568.569 |
| Các chi phí phân bổ theo bộ phận | (16.654.248.018) | (2.887.605.447) | (19.541.853.465) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 766.179.957 | 8.154.535.147 | 8.920.715.104 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (10.048.680.352) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | (1.127.965.248) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 64.265.241 |
| Chi phí hoạt động tài chính | | | (8.026.890.321) |
| Thu nhập khác | | | 23.455.433.238 |
| Chi phí khác | | | (12.791.199.267) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | (110.324.661) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 1.463.318.982 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau :

| | Kinh doanh xe VND | Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND | Cộng VND |
|--|------------------------|--|------------------------|
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 146.805.783.200 | 45.821.536.793 | 192.627.319.993 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 49.745.736.863 |
| Tổng tài sản | 146.805.783.200 | 45.821.536.793 | 242.373.056.856 |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 118.968.279.834 | 13.730.011.877 | 132.698.291.711 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | 6.864.929.173 |
| Tổng nợ phải trả | 118.968.279.834 | 13.730.011.877 | 139.563.220.884 |
| | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 152.811.372.222 | 36.677.789.797 | 189.489.162.019 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 42.686.403.529 |
| Tổng tài sản | 152.811.372.222 | 36.677.789.797 | 232.175.565.548 |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 127.356.557.364 | 12.242.479.145 | 139.599.036.509 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | 6.379.912.271 |
| Tổng nợ phải trả | 127.356.557.364 | 12.242.479.145 | 145.978.948.780 |

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Tập đoàn chịu rủi ro về ngoại tệ, lãi suất và giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

| | |
|---------------------|-----------|
| | USD |
| Tiền | 211,39 |
| Phải thu khách hàng | 78.730,00 |

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty mẹ cho các công ty con vay tiền. Các đơn vị này được công ty mẹ kiểm soát và quản lý nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro **thanh khoản** bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản **vay ngân hàng** ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và **giảm thiểu** rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả :

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Cộng VND |
|----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 59.213.611.070 | - | 59.213.611.070 |
| Phải trả người bán | 49.200.791.782 | - | 49.200.791.782 |
| Chi phí phải trả | 1.500.122.204 | - | 1.500.122.204 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 962.958.104 | - | 962.958.104 |
| Cộng | 110.877.483.160 | - | 110.877.483.160 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2013 | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 94.786.971.186 | - | 94.786.971.186 |
| Phải trả người bán | 32.243.054.940 | - | 32.243.054.940 |
| Chi phí phải trả | 888.124.949 | - | 888.124.949 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.056.211.916 | - | 1.056.211.916 |
| Vay và nợ dài hạn | - | 600.000.000 | 600.000.000 |
| Cộng | 128.374.362.991 | 600.000.000 | 129.574.362.991 |

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|-----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2014 | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 13.137.174.124 | - | - | 13.137.174.124 |
| Phải thu khách hàng | 50.733.888.368 | - | - | 50.733.888.368 |
| Các khoản phải thu khác | 126.896.872 | - | - | 126.896.872 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.873.461 | - | - | 1.873.461 |
| Tài sản dài hạn khác | - | 8.000.000 | - | 8.000.000 |
| Cộng | 63.999.832.825 | 8.000.000 | - | 64.007.832.825 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2013 | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 10.778.974.522 | - | - | 10.778.974.522 |
| Phải thu khách hàng | 33.376.317.295 | - | - | 33.376.317.295 |
| Các khoản phải thu khác | 825.885.037 | - | - | 825.885.037 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.862.025 | - | - | 1.862.025 |
| Tài sản dài hạn khác | - | 8.000.000 | 404.250.000 | 412.250.000 |
| Cộng | 44.983.038.879 | 8.000.000 | 404.250.000 | 45.395.288.879 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

235/18 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn:

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 13.137.174.124 | 10.778.974.522 | 13.137.174.124 | 10.778.974.522 |
| Phải thu khách hàng | 50.733.888.368 | 33.376.317.295 | 50.733.888.368 | 33.376.317.295 |
| Các khoản phải thu khác | 126.896.872 | 825.885.037 | 126.896.872 | 825.885.037 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.873.461 | 1.862.025 | 1.873.461 | 1.862.025 |
| Tài sản dài hạn khác | 8.000.000 | 412.250.000 | 8.000.000 | 412.250.000 |
| | 64.007.832.825 | 45.395.288.879 | 64.007.832.825 | 45.395.288.879 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 59.213.611.070 | 94.786.971.186 | 59.213.611.070 | 94.786.971.186 |
| Phải trả người bán | 49.200.791.782 | 32.243.054.940 | 49.200.791.782 | 32.243.054.940 |
| Chi phí phải trả | 1.500.122.204 | 888.124.949 | 1.500.122.204 | 888.124.949 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 962.958.104 | 1.056.211.916 | 962.958.104 | 1.056.211.916 |
| Vay và nợ dài hạn | - | 600.000.000 | - | 600.000.000 |
| | 110.877.483.160 | 129.574.362.991 | 110.877.483.160 | 129.574.362.991 |

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



PHẠM HỒNG NGỌC
Người lập

CHU THỊ NGỌC HUYỀN
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

ĐỖ TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015